XÃ KHÁNH HƯNG - TỈNH TÂY NINH

QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG ĐIỂM DÂN CƯ HƯNG ĐIỀN

BẢN ĐỒ TỔNG MẶT BẰNG, PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH

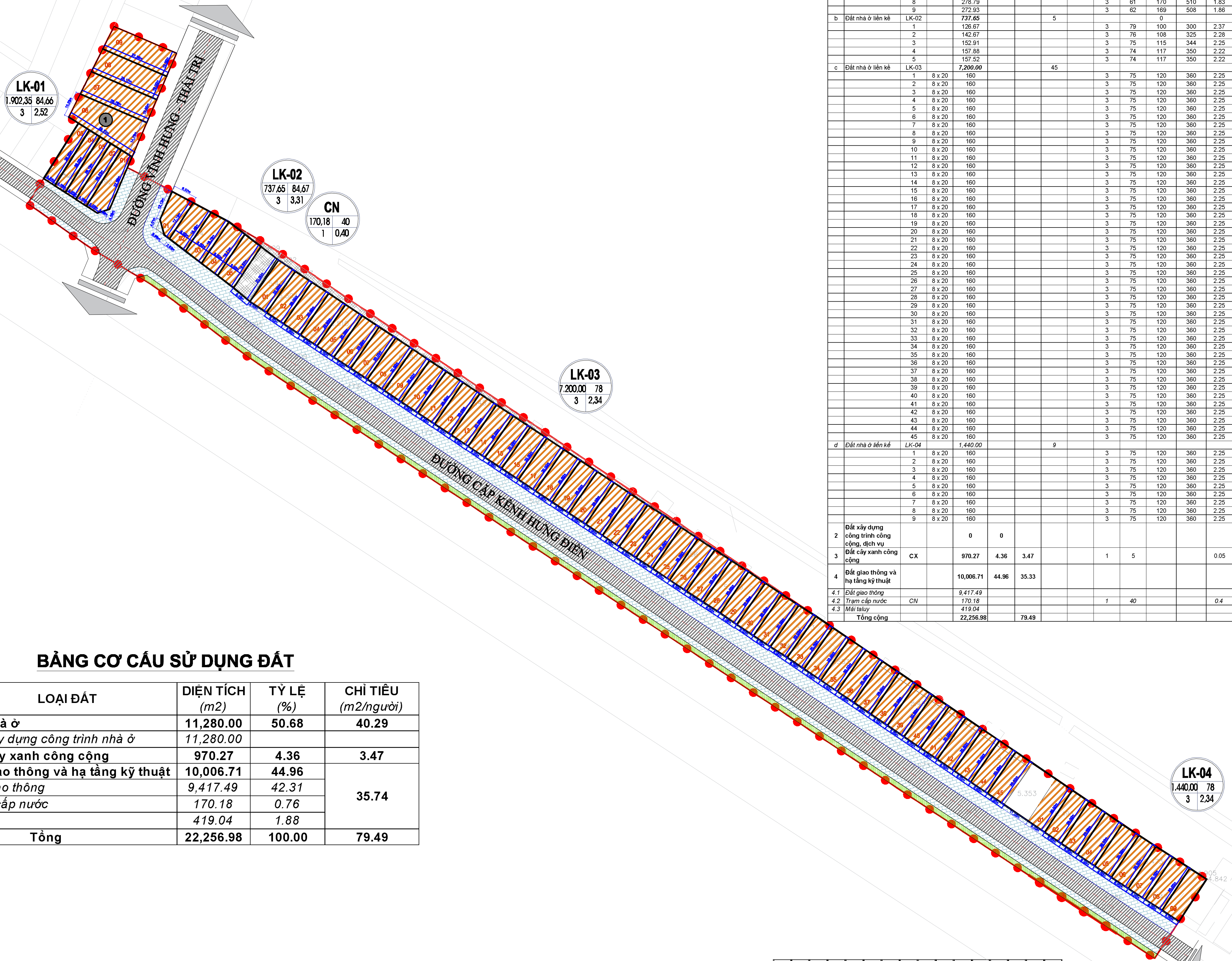

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m2)	TỶ LỆ (%)	CHỈ TIÊU (m2/người)
1	**Đất nhà ở**	**11,280.00**	**50.68**	**40.29**
1.1	*Đất xây dựng công trình nhà ở*	*11,280.00*		
2	**Đất cây xanh công cộng**	**970.27**	**4.36**	**3.47**
3	**Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật**	**10,006.71**	**44.96**	**35.74**
3.1	*Đất giao thông*	*9,417.49*	*42.31*	
3.2	*Trạm cấp nước*	*170.18*	*0.76*	
3.3	*Ta-luy*	*419.04*	*1.88*	
	Tổng	**22,256.98**	**100.00**	**79.49**

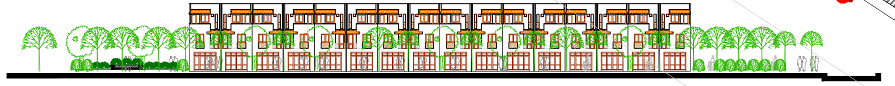

MẶT ĐỨNG PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC DỰ KIẾN NHÀ LIÊN KỀ

BẢNG THỐNG KÊ CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT TOÀN KHU

Stt	Loại đất	Ký hiệu	Kích thước (m)	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m2/người)	Số lô (lô)	Dân số (người)	Tầng cao (tầng)	Mdxd (%)	Diện tích XD (m2)	DT sàn (m2)	Hssdd (lần)	Ghi chú
1	**Đất nhà ở**			**11,280.00**	**50.68**	**40.29**	**68**	**280**			**8,282**	**24,846**		
1.1	Đất nhà ở liền kề			11,280.00				280						
a	Đất nhà ở liền kề	LK-01		***1,902.35***			9							
		1		176.64					3	72	127	382	2.16	Quy hoạch mới
		2		130.97					3	78	102	306	2.34	Quy hoạch mới
		3		130.58					3	78	102	306	2.34	Quy hoạch mới
		4		130.2					3	78	102	305	2.34	Quy hoạch mới
		5		134.56					3	77	104	311	2.31	Quy hoạch mới
		6		363.03					3	54	196	588	1.62	Quy hoạch mới
		7		284.65					3	61	174	521	1.83	Quy hoạch mới
		8		278.79					3	61	170	510	1.83	Quy hoạch mới
		9		272.93					3	62	169	508	1.86	Quy hoạch mới
b	Đất nhà ở liền kề	LK-02		***737.65***			5				0			
		1		126.67					3	79	100	300	2.37	Quy hoạch mới
		2		142.67					3	76	108	325	2.28	Quy hoạch mới
		3		152.91					3	75	115	344	2.25	Quy hoạch mới
		4		157.88					3	74	117	350	2.22	Quy hoạch mới
		5		157.52					3	74	117	350	2.22	Quy hoạch mới
c	Đất nhà ở liền kề	LK-03		***7,200.00***			45							
		1	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		2	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		3	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		4	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		5	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		6	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		7	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		8	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		9	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		10	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		11	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		12	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		13	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		14	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		15	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		16	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		17	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		18	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		19	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		20	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		21	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		22	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		23	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		24	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		25	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		26	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		27	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		28	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		29	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		30	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		31	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		32	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		33	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		34	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		35	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		36	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		37	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		38	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		39	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		40	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		41	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		42	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		43	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		44	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
		45	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
d	*Đất nhà ở liền kề*	*LK-04*		*1,440.00*			*9*							
		1	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	Quy hoạch mới
		2	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	Quy hoạch mới
		3	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	Quy hoạch mới
		4	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	Quy hoạch mới
		5	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	Quy hoạch mới
		6	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	Quy hoạch mới
		7	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	Quy hoạch mới
		8	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	Quy hoạch mới
		9	8 x 20	160					3	75	120	360	2.25	
2	**Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ**			**0**	**0**									Sử dụng công trình công cộng lân cận
3	**Đất cây xanh công cộng**	**CX**		**970.27**	**4.36**	**3.47**			1	5			0.05	
4	**Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật**			**10,006.71**	**44.96**	**35.33**								
4.1	*Đất giao thông*			*9,417.49*										
4.2	*Trạm cấp nước*	*CN*		*170.18*					*1*	*40*			*0.4*	
4.3	*Mái taluy*			*419.04*										
	Tổng cộng			**22,256.98**		**79.49**								

HƯỚNG BẮC

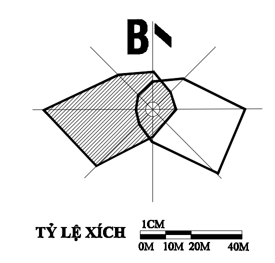

KÝ HIỆU SỬ DỤNG ĐẤT

▥	ĐẤT Ở
🟩	ĐẤT CÂY XANH CÔNG CỘNG
▨	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC
▩	ĐẤT THỂ DỤC THỂ THAO
▤	ĐẤT SÔNG NGÒI, KÊNH RẠCH, MẶT NƯỚC CHUYÊN DÙNG.
▤	ĐẤT HỒ SINH THÁI
●—●	RANH QUY HOẠCH
- - -	TIM ĐƯỜNG

GHI CHÚ VÀ KÝ HIỆU THỰC HIỆN THEO THÔNG TƯ 16/2025/TT-BXD

CHÚ THÍCH

- ① NHÀ Ở LIỀN KỀ
- ② NHÀ Ở LIỀN KỀ
- ③ NHÀ Ở LIỀN KỀ
- ④ NHÀ Ở LIỀN KỀ
- ⑤ TRẠM CẤP NƯỚC

KÝ HIỆU VÒNG TRÒN CHỈ TIÊU

LK-13 — CHỨC NĂNG
DIỆN TÍCH (M2) — 1747
100 — SỐ LÔ
TẦNG CAO (TẦNG) — 4
3,0 — HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KHÁNH HƯNG

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
PHÒNG KINH TẾ XÃ KHÁNH HƯNG

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KHÁNH HƯNG

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
XÃ KHÁNH HƯNG - TỈNH TÂY NINH
QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG ĐIỂM DÂN CƯ HƯNG ĐIỀN

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ TỔNG MẶT BẰNG, PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH

BẢN VẼ: QH-	GHÉP: 1 X A0	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY: .../.../2025
THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN LÊ QUỐC DŨNG		
CHỦ TRÌ	KTS. DƯƠNG ĐÌNH KHÁNH		
CHỦ NHIỆM	KTS. DƯƠNG ĐÌNH KHÁNH		
QL. KỸ THUẬT	ThS. KTS. HUỲNH NGUYỄN TÚ NHI		

GIÁM ĐỐC:

LÊ TIẾN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
ĐỊA CHỈ : 107/34 ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG HIỆP BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH
TEL: 0918.536.177 EMAIL: vinhthinh0206@gmail.com